

Tiếng Việt



IS3

Hướng dẫn sử dụng

Đánh giá
Tích hợp xương

CE Made in Sweden

?á\$/ à-) p) à-



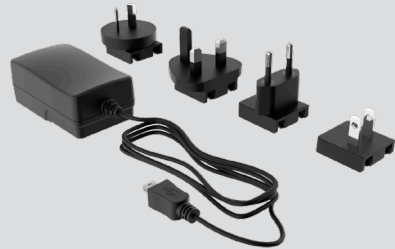
Hình 1



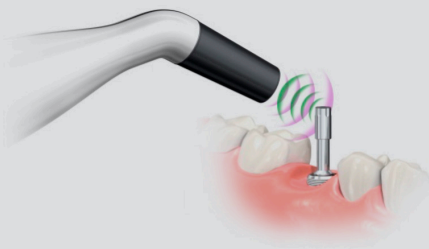
Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

1. Chỉ định sử dụng

IS3 được chỉ định để đo độ ổn định của cấy ghép nha khoa. Chỉ định sử dụng cho những bệnh nhân đang thực hiện thủ thuật cấy ghép nha khoa và đối tượng bệnh nhân dự định là những bệnh nhân được cấy ghép nha khoa.

Chống chỉ định sử dụng IS3 cho phương pháp cấy ghép mà không thể gắn MulTipeg vì lý do không tương thích cơ học.

Lợi ích lâm sàng trực tiếp của việc sử dụng IS3 là đo lường và thu được giá trị khách quan (giá trị ISQ) cho thấy độ ổn định của mô cấy.

2. Người sử dụng dự định

Chỉ dành cho người sử dụng chăm sóc sức khỏe chuyên nghiệp và môi trường cơ sở chăm sóc sức khỏe chuyên nghiệp. Vui lòng đọc hướng dẫn sử dụng trước khi sử dụng lần đầu.

3. Hình ảnh và Thành phần hệ thống

Hình 1 Thiết bị IS3

Bao gồm trong kiện hàng

Hình 2 MulTipeg Driver

Bao gồm trong kiện hàng

Hình 3 Ví dụ MulTipeg

Không bao gồm, được bán riêng

Hình 4 Bộ chuyển đổi và phích cắm điện

Bao gồm trong kiện hàng

Hình 5 Vị trí đo

Cho thấy cách thức đầu của thiết bị được giữ về hướng MulTipeg trong khi đo

Hình 6 Bộ kiểm tra ISQ

Không bao gồm, được bán riêng



Chỉ nên sử dụng các bộ phận nguyên gốc.



Nguồn cấp: Chỉ sử dụng bộ chuyển đổi nguồn điện và các phích cắm được cung cấp.



Người dùng không được phép sửa đổi thiết bị này.



Cần thu gom riêng pin.

4. Thông số kỹ thuật

- Đầu vào nguồn điện: 5 VDC, 1 VA
- Đầu vào bộ sạc: 100 - 240 VAC, 5 VA
- Trọng lượng thiết bị: 82 g
- Kích thước thiết bị: 201 mm x 26 mm x 31 mm
- Loại an toàn bộ sạc: EN 60601-1 Loại II
- Loại an toàn thiết bị: EN 60601-1 ME Loại II
- EMC: EN 60601-1-2, loại B
- Thiết bị được thiết kế để sử dụng liên tục
- Thiết bị chứa pin NiMH
- Có chứa pin NiMH:
 - Loại pin: AAA, có thể sạc lại
 - Điện áp: 1,2 V
 - Dòng điện: 900 mAh
- Các bộ phận được áp dụng theo IEC 80601-2-60: Đầu dụng cụ và phần dụng cụ cách đầu đến 80 mm, MulTipeg và MulTipeg Driver.

5. Môi trường hoạt động

Nhiệt độ môi trường: 16° đến 40 °C (60° - 104 °F).

Độ ẩm tương đối: 10 % - 80 % Rh.

Áp suất không khí: 500 hPa - 1060 hPa (0,5 atm - 1 atm).






















6. Vận chuyển & bảo quản

Nhiệt độ môi trường: -20° đến 40 °C (-4° - 104 °F).

Độ ẩm tương đối: 10 % - 85 % Rh.

Áp suất không khí: 500 hPa - 1060 hPa (0,5 - 1,0 atm).

7. Ký hiệu

 <p>Cảnh báo</p>	 <p>Số danh mục</p>	 <p>Mã định danh thiết bị duy nhất</p>	 <p>Dấu CE</p>
 <p>Làm theo hướng dẫn sử dụng</p>	 <p>Mã lô hàng</p>	 <p>Đề nơi khô ráo</p>	 <p>Chú ý: Luật liên bang chỉ cho phép bán thiết bị này theo chỉ định của bác sĩ hoặc nha sĩ</p>
 <p>Cảnh báo từ trường</p>	 <p>Số sê-ri</p>	 <p>Giới hạn nhiệt độ</p>	 <p>Chất thải từ thiết bị điện tử phải được xử lý theo quy định của địa phương</p>
 <p>Có thể hấp ở tối đa 134° C</p>	 <p>Giới hạn áp suất không khí</p>	 <p>Nhà sản xuất</p>	 <p>Bộ phận ứng dụng kiểu BF</p>
 <p>Sản phẩm không vô trùng</p>	 <p>Hướng dẫn sử dụng điện tử</p>	 <p>Ngày sản xuất</p>	 <p>Giới hạn độ ẩm</p>
 <p>Thiết bị y tế</p>			

8. Đặc điểm

IS3 là một thiết bị dùng để đo độ ổn định (ISQ) cấy ghép nha khoa. Thiết bị đo tần số cộng hưởng của MultiTipeg và thể hiện nó dưới dạng trị số ISQ. Giá trị ISQ, 1-99, phản ánh sự ổn định của sự cấy ghép – giá trị càng cao, sự cấy ghép càng ổn định.

Thiết bị đo trị số ISQ có độ chính xác là +/- 1 đơn vị ISQ. Khi được gắn vào bộ phận cấy ghép, tần số cộng hưởng MultiTipeg có thể thay đổi tới 2 đơn vị ISQ tùy thuộc vào mô-men siết.



Nên tránh sử dụng thiết bị này kề bên hoặc xếp chồng lên thiết bị khác vì nó có thể dẫn đến hoạt động sai.

9. MultiTipeg

MultiTipeg được làm từ titan và có bộ kẹp tích hợp cho MultiTipeg Driver bên trên. Kiểm tra MultiTipeg xem có bị hư hỏng không trước khi sử dụng. Không nên sử dụng MultiTipegs bị hư hỏng vì có nguy cơ đo sai.

Có nhiều loại MultiTipeg khác nhau được chế tạo phù hợp với các hệ thống và loại cấy ghép khác nhau. Vui lòng xem danh sách cập nhật từ nhà cung cấp.



Chỉ nên thực hiện các phép đo bằng cách sử dụng MultiTipeg chính xác. Sử dụng MultiTipeg sai có thể gây ra các phép đo sai hoặc hư hỏng MultiTipeg hoặc bộ phận cấy ghép.



Thiết bị phát ra các xung từ ngắn với thời gian phát xung là 1 ms và cường độ +/- 20 gauss, cách đầu thiết bị 10 mm. Có thể cần các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng thiết bị gần máy tạo nhịp tim hoặc các thiết bị khác nhạy cảm với từ trường.

10. Chức năng kỹ thuật

Đưa MultiTipeg vào chế độ rung, các xung từ ngắn được phát ra từ đầu thiết bị. Các xung từ tương tác với nam châm bên trong MultiTipeg và làm cho MultiTipeg rung động. Một bộ thu chuyên trong thiết bị lấy từ trường xen kẽ từ nam châm rung, tính toán tần số và từ đó đưa ra trị số ISQ.

11. Giá trị ISQ

Độ ổn định của bộ cấy ghép được thể hiện dưới dạng "trị số ISQ". Trị số càng cao, sự cấy ghép càng ổn định. ISQ được mô tả trong nhiều nghiên cứu lâm sàng. Có thể đặt hàng theo danh sách các nghiên cứu của nhà cung cấp.

12. Độ ổn định cấy ghép

Cấy ghép có thể có độ ổn định khác nhau theo các hướng khác nhau. Đảm bảo đo từ các hướng khác nhau xung quanh đỉnh MultiTipeg.

Người dùng nên đo giá trị ISQ tại vị trí cấy ghép để có cơ sở cho các lần đo trong tương lai. Khi ISQ được đo ở giai đoạn sau, sự thay đổi trong giá trị ISQ sẽ phản ánh sự thay đổi về độ ổn định cấy ghép. Bằng cách này, tiến trình ISQ sẽ hỗ trợ quyết định khi nào nên thực hiện cấy ghép.

Chú ý: Giá trị độ ổn định là một thông số bổ sung để quyết định thời điểm thực hiện cấy ghép. Quyết định điều trị cuối cùng là trách nhiệm của bác sĩ lâm sàng.

13. Pin & sạc

Thiết bị chứa 2 pin NiMH phải được sạc trước khi sử dụng. Mất khoảng 3 giờ để sạc đầy khi ở nhiệt độ 20°C tức 68°F. Nhiệt độ phòng cao hơn có thể kéo dài thời gian sạc. Từ khi được sạc đầy, thiết bị có thể đo liên tục trong 60 phút trước khi cần sạc lại. Đèn LED màu vàng sẽ sáng lên khi pin cần sạc lại. Đèn LED màu vàng nhấp nháy khi pin đạt đến mức tới hạn. Thiết bị sẽ tự động tắt, khi pin đạt đến mức tới hạn. Khi đang sạc pin, đèn LED màu xanh sẽ sáng lên. Khi pin được sạc đầy, đèn sẽ tắt. Trong khi đo không nên cắm bộ sạc vào ổ điện do nguy cơ nhiễu đường dây điện gây khó khăn cho việc đo.

14. Cách sử dụng

14.1 Bật/tắt thiết bị

Để bật thiết bị, bấm phím vận hành. Bạn sẽ nghe thấy một tiếng bíp ngắn, sau đó tất cả các đoạn hiển thị sẽ sáng lên trong một thời gian ngắn. Kiểm tra xem tất cả các đoạn hiển thị có sáng lên không.

Sau đó, phiên bản phần mềm sẽ hiển thị trong thời gian ngắn trước khi thiết bị bắt đầu đo. Nếu có bất kỳ mã lỗi nào (EX, trong đó "X" là số lỗi) hiển thị trong quá trình khởi động, vui lòng tham khảo phần "Khắc phục sự cố".

Để tắt, bấm và giữ phím vận hành cho đến khi thiết bị tắt. Thiết bị sẽ tự động tắt nguồn điện sau 30 giây không hoạt động.

14.2 Phương pháp đo IS3

MultiTipeg (hình 3) được gắn vào bộ phận cấy ghép bằng cách sử dụng MultiTipeg Driver (hình 2). Sử dụng lực siết bằng tay 6- 8 Ncm. Bật thiết bị và giữ đầu thiết bị gắn với đầu MultiTipeg (hình 5). Khi nhận được tín hiệu, bạn sẽ nghe tiếng bíp, sau đó trị số ISQ hiển thị trên màn hình trong một thời gian ngắn trước khi thiết bị bắt đầu đo lại.

Thiết bị không thể đo được nếu có nhiễu điện từ. Bạn có thể nghe thấy cảnh báo nhiễu điện từ và cảnh báo cũng hiển thị trên màn hình. Hãy cố gắng loại bỏ nguồn gây nhiễu. Nguồn gây nhiễu có thể là bất kỳ thiết bị điện nào gần thiết bị này.



Luôn sử dụng chỉ (như chỉ nha khoa nếu không cần vô trùng, hoặc chỉ phẫu thuật khi cần điều kiện vô trùng) để cố định MultiTipeg Driver khi làm việc trong khoang miệng.

15. Vệ sinh và bảo trì



Nên vệ sinh và khử trùng các bộ phận trước khi sử dụng.

15.1 Thiết bị

Vệ sinh

Có thể vệ sinh thiết bị bằng khăn lau thấm dung dịch tẩy rửa trong một phút, sau đó lau sạch trong một phút bằng khăn lau không có xơ vải ngâm trong nước.

Chất tẩy rửa được chỉ định: Neodisher Mediclean forte.

Thiết bị phải được che phủ bằng vỏ bọc vô trùng khi sử dụng trong môi trường yêu cầu vô trùng.

Khử trùng

Dùng vải thấm cồn isopropyl 70 % để lau thiết bị trong một phút, sau đó để thiết bị khô trong hai phút trước khi sử

©ESF) Ộ- * /.- ; N ?

Thiết bị đáp ứng các yêu cầu theo EN 60601-1-2 về phát xạ và miễn nhiễm. Nếu thiết bị điện tử nhạy cảm bị ảnh hưởng bởi thiết bị này, hãy thử tăng khoảng cách đến thiết bị đó. Trong khi đo, không nên kết nối bộ sạc.

Hướng dẫn và tuyên bố của nhà sản xuất – Phát xạ điện từ		
IS3 được thiết kế để sử dụng trong môi trường điện từ được chỉ rõ bên dưới.		
Kiểm tra phát xạ	Tuân thủ	Môi trường điện từ – hướng dẫn
Phát xạ RF C1SPR11	Nhóm 1	IS3 chỉ sử dụng năng lượng RF cho chức năng bên trong của nó.
Phát xạ RF C1SPR11	Loại B	IS3 Thiết bị hoạt động bằng pin có thể sạc lại.
Phát xạ điều hòa IEC61000-3-2	Không áp dụng	
Biến động điện áp / phát xạ nhấp nháy IEC61000-3-3	Không áp dụng	


Hướng dẫn và tuyên bố của nhà sản xuất – Mức kiểm tra miễn nhiễm điện từ		
IS3 được thiết kế để sử dụng trong môi trường điện từ được chỉ rõ bên dưới.		
Kiểm tra miễn nhiễm	Tiêu chuẩn EMC hoặc phương pháp kiểm tra	Mức độ kiểm tra, môi trường cơ sở y tế chuyên nghiệp
Phóng tĩnh điện (ESD)	IEC61000-4-2	± 8 kV tiếp xúc ± 2 kV ± 4 kV ± 8 kV ± 15 kV không khí
Các trường RF EM bức xạ	IEC61000-4-3	3 V/m 80 MHz – 2,7 GHz 80 % AM ở 1 kHz
Các trường gần bên hình thành thiết bị liên lạc không dây RF	IEC61000-4-3	Khoảng cách xa bộ phát sóng vô tuyến tối thiểu 30 cm
Từ trường tần số định mức điện	IEC61000-4-8	30 A/m 50 Hz hoặc 60 Hz
Điện thoại qua / nổ	IEC 61000-4-4	± 2 kV Tần số lặp lại 100 kHz
Đột biến điện từ đường dây này sang đường dây khác, Đột biến điện từ đường dây tới mặt đất	IEC 61000-4-5	± 0,5, ± 1 kV, ± 2 kV
Nhiều loạn truyền tải điện gây ra bởi các trường RF	IEC61000-4-6	3 V 0,15 MHz – 80 MHz 6 V ở các dải ISM trong khoảng 0,15 Mhz đến 80 Mhz 80 % AM ở mức 1 kHz
Sụt áp, ngắt điện áp và tình trạng điện thoại qua dọc theo đường dây cung cấp	IEC 61000-4-11	5 % UT, 0,5 chu kỳ Ở 0°, 45°, 90°, 135°, 180°, 225°, 270° và 315° 0 % UT; 1 chu kỳ Và 70 % UT; 25/30 chu kỳ (50/60Hz) Pha đơn: ở 0° 0 % UT; 250/300 chu kỳ (50/60 Hz)

HIOSSEN

IMPLANT

Hiossen, Inc.
85 Ben Fairless Dr.
Fairless Hills, PA 19030
www.hiossen.com

Phải báo cáo bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào xảy ra liên quan đến thiết bị cho Integration Diagnostics Sweden AB, và cơ quan có thẩm quyền tại tiểu bang của người dùng.

Manufacturer
Integration Diagnostics Sweden AB 
Furstenbergsgatan 4
416 64 Gothenburg, Sweden
www.penguininstruments.com

Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.



Made in Sweden